TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2025/DS-ST Ngày: 18 - 8 - 2025 V/v: "T/C HĐ cầm cố tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng dân sự cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần S Có Ngay

Địa chỉ: Số A N, phương B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là: Phường T, tỉnh Nghệ An);

Đại diện theo pháp luật: KANOKWTPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Phạm Thanh H, chức vụ: Nhân viên; địa chỉ: Số A, đường C, khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là: Phường L, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn N, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật cũng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13 tháng 01 năm 2024, bị đơn là ông Nguyễn Văn N có cầm cố

cho Công ty cổ phần S Có Ngay 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA SH Mode ABS, màu đen - bạc, biển số: 95E1-880.76, số khung: RLHJK0116MZ606295, số máy: JK0112128; số tiền cầm cố là 35.130.000 đồng; thời hạn cầm cố là 24 tháng và được thanh toán số tiền cầm cố theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền là 1.774.270,19 đồng; lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Cùng ngày, bị đơn tiếp tục ký kết Giấy mượn tài sản đã cầm cố, thời hạn mượn tài sản là 30 ngày với thỏa thuận phải trả phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 1.756.500 đồng/tháng.

Từ lúc xác lập hợp đồng đến nay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 3.418.194 đồng, bao gồm: 758.194 đồng nợ gốc, 702.611 đồng nợ lãi quá hạn, 1.757.389 đồng phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe và 200.000 đồng phí theo dõi hồ sơ. Hiện còn nợ gốc là 34.371.806 đồng và nợ lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản phí gồm: Phí quản lý hồ sơ là 1.952.031,91 đồng, phí mượn xe là 23.711.861 đồng và phí thanh lý (tất toán trước hợp đồng) là 1.033.371,45 đồng; giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn trả nợ gốc là 34.371.806 đồng, cùng lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.599.611 đồng nợ lãi trong hạn và 11.646.310 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 51.617.727 đồng; không yêu cầu giải quyết hợp đồng mượn xe lập ngày 13 tháng 01 năm 2024.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là: 01 Hợp đồng cầm cố, 01 Phụ lục hợp đồng cầm cố, 01 Phiếu đăng ký cầm cố và Giấy mượn xe lập cùng tháng 01 năm 2024,

chứng minh nội dung thỏa thuận cầm cố tài sản và thuê tài sản như lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối hay cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, chấp nhận ý kiến và các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp.

[3.2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu khởi kiện về việc đòi bị đơn trả các khoản phí gồm: Phí quản lý hồ sơ là 1.952.031,91 đồng, phí mượn xe là 23.711.861 đồng và phí thanh lý (tất toán trước hợp đồng) là 1.033.371,45 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[3.3] Hợp đồng cầm cố được xác lập ngày 13 tháng 01 năm 2024, cùng ngày các đương sự tiếp tục giao kết hợp đồng mượn tài sản, theo đó bị đơn mượn lại tài sản cầm cố với thời hạn là 30 ngày. Tuy nhiên, từ lúc xác lập hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản đến nay, bị đơn không trả lại tài sản cầm cố đã mượn và thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm không đầy đủ là đã vi phạm nghĩa vụ được bảo đảm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm là có căn cứ; đồng thời không yêu cầu giải quyết hợp đồng mượn xe lập ngày 13 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Xét hợp đồng cầm cố tài sản là việc một bên (bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tuy các đương sự không xác lập hợp đồng vay tài sản, nhưng thực chất hợp đồng cầm cố giữa các đương sự được xác lập là nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bị đơn đối với số tiền vay của nguyên đơn là 35.130.000 đồng được ghi nhận trong hợp đồng cầm cố. Nội dung hợp đồng thỏa thuận thời hạn trả nợ là 24 tháng, được trả dần theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 1.774.270,19 đồng. Đến nay, mặc dù chưa đến thời hạn tất toán, nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo định kỳ là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do vi phạm hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật

Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã trả được số tiền là 3.418.194 đồng, bao gồm: 758.194 đồng nợ gốc, 702.611 đồng nợ lãi quá hạn, 1.757.389 đồng phí bảo dưỡng và hao mòn khi

mượn xe và 200.000 đồng phí theo dõi hồ sơ. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc còn lại là 34.371.806 đồng, cùng lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.599.611 đồng nợ lãi trong hạn và 11.646.310 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 51.617.727 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, 217, 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 309, 311, 314, 315, 424, 463, 466, 468 và 494 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay, về việc đòi bị đơn là ông Nguyễn Văn N trả các khoản gồm: Phí quản lý hồ sơ là 1.952.031,91 đồng, phí mượn xe là 23.711.861 đồng và phí thanh lý (tất toán trước hợp đồng) là 1.033.371,45 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay (do ông KANOKWATPAISAL NAPAT và ông Phạm Thanh H đại diện) số tiền là 51.617.727 đồng (năm mươi mốt triệu sáu trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 34.371.806 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.599.611 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.646.310 đồng.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 2.581.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty cổ phần S Có Ngay (do ông KANOKWATPAISAL NAPAT và ông Phạm Thanh H đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.825.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002036 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13-Cần Thơ).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13-Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng